

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020.

V/v: “ Yêu cầu ly hôn,
tranh chấp nuôi con ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Mai Hương.

Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 270/2020/TLST – HNGĐ ngày: 03/6/2020, về việc: “ Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày: 17/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2020/QĐST-HNGĐ ngày: 03/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: PTXT, sinh năm: 2000 – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: TVN, sinh năm: 1996 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp 5, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/06/2020, bản khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn chị PTXT trình bày: Chị T kết hôn với anh N vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sa vào rượu chè nhậu nhẹt nên đi làm không đưa tiền về để lo cho gia đình, vợ con. Khi say rượu về thường kiêu có chửi bới chị T. Mặc dù chị T đã góp ý nhiều lần nhưng anh N vẫn không tiếp thu để sửa chữa. Vì vậy, từ năm 2020 sau khi sinh con chị T đưa con về nhà mẹ đẻ của chị T

sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung cháu tên là: TTBN, sinh ngày : 10/01/2020. Hiện nay đang sống cùng với chị T, nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên toà hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh TVN đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh N vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của chị T là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị PTXT khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị T ly hôn với anh TVN và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 01) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị T trình bày là do anh N sa vào rượu chè nhậu nhẹt nên đi làm không đưa tiền về để lo cho gia đình, vợ con. Khi say rượu về thường kiếm cớ chửi bới chị T. Mặc dù chị T đã góp ý nhiều lần nhưng anh N vẫn không tiếp thu để sửa chữa. Vì vậy, từ năm 2020 sau khi sinh con chị T đưa con về nhà mẹ đẻ của chị T sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 23).

Điều đó chứng tỏ chị T và anh N không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trên thực tế chị T và anh N cũng không còn duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau nữa. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Về hôn nhân chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Có 01 con chung cháu tên là: TTBN, sinh ngày : 01/01/2020. Hiện nay đang sống cùng với chị T, nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy: Anh N không có mặt nên không thể hiện được ý chí, nguyện vọng của mình là có muốn nuôi con hay không. Mặt khác, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên Toà hôm nay chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nữa, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, nhưng anh N không có mặt nên không kiểm chứng được là lời trình bày của chị T có đúng hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét, nếu sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị PTXT đối với anh TVN.

[1] Về hôn nhân: Chị PTXT được ly hôn với anh TVN.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là: TTBN, sinh ngày : 01/01/2020. Hiện nay đang sống cùng với chị T.

Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0008420 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã HB.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn